

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-PT

Ngày: 21 - 01 - 2021.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Võ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy TB - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 472/2020/TLPT-DS ngày 20/11/2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 207/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 572/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn A, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn A: Chị Nguyễn Thị Mỹ B, sinh năm 1979 (có mặt) (là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 30/7/2020).

Địa chỉ: số 19/8A AD, phường 6, AE, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E), sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp AF, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Tuyết D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Võ Văn A, người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Mỹ B trình bày:*

Ông Võ Văn A có bán thức ăn gia súc cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Tuyết D (thường gọi là Ngọc E). Trong quá trình mua bán, vợ chồng anh C, chị D còn nợ lại số tiền là 142.795.000 đồng, hai bên có tổng kết nợ và chị Nguyễn Thị Tuyết D ký tên Nguyễn Thị Ngọc E. Ngày 21/12/2018, chị D có trả được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại 137.795.000 đồng. Nay ông Võ Văn A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Tuyết D trả số tiền 137.795.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/3/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

** Bị đơn Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Bị đơn Nguyễn Thị Tuyết D trình bày:*

Chị có tên thường gọi là Ngọc E, trước đây chị có mua thức ăn chăn nuôi của ông Võ Văn A và nợ lại số tiền là 182.795.000 đồng, sau đó vợ chồng chị có trả được số tiền 45.000.000 đồng, còn nợ lại 137.795.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho ông Võ Văn A số tiền 137.795.000 đồng, xin trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi.

* Bản án số 207/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện AA đã căn cứ các Điều 430, 433, 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn A.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E) phải trả cho ông Võ Văn A số tiền 159.497.721 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi một đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E) chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 08/10/2020, bị đơn Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Tuyết D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AA, yêu cầu chỉ buộc chị D trả số tiền nợ, không buộc anh C liên đới và chị D xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết D thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu không buộc anh C liên đới trả nợ cho ông Võ Văn A; chị D đồng ý 01 mình trả nợ cho ông A, yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ B - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị D thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi như nguyên đơn yêu cầu, xin trả dần 10.000.000 đồng/01 năm, không đồng ý trả lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D không cung cấp chứng cứ gì mới; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho trả dần; cho nên yêu cầu kháng cáo của chị D không có cơ sở để chấp nhận. Anh C kháng cáo nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Tuyết D thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử A hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn C kháng cáo nhưng vắng mặt, không có lý do, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền mua bán thức ăn. Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng với tính chất của vụ án và thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn ông Võ Văn A do chị B đại diện theo ủy quyền và bị đơn trình bày thống nhất từ năm 2012 đến đầu năm 2020, ông A có bán thức ăn cho chị D, hiện chị D còn nợ ông A số tiền 137.795.000 đồng.

Ông A yêu cầu chị D và anh C liên đới trả số tiền 137.795.000 đồng và lãi tính từ 21/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,75%/tháng một lần khi án có hiệu lực. Chị D đồng ý trả số tiền nợ 137.795.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, yêu cầu không buộc anh C liên đới cùng trả nợ. Anh C cũng không đồng ý liên đới cùng chị D trả nợ cho ông A.

Án sơ thẩm buộc anh C và chị D liên đới 137.795.000 đồng tiền vốn và lãi 21.702.721 đồng, tổng cộng 159.497.721 đồng một lần cho ông A. Anh C, chị D không đồng ý nên kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Đối với kháng cáo xin trả dần và không đồng ý trả lãi của chị D: Chị D đã thừa nhận còn nợ ông Võ Văn A số tiền 137.795.000 đồng, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 280 Bộ luật Dân sự nên ông A khởi kiện yêu cầu trả tiền là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị D kháng cáo xin trả dần số tiền trên mỗi năm 10.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn nhưng chị D không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh và không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị D về việc xin trả dần. Chị D đồng ý trả tiền nợ 137.795.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi là không phù hợp quy định của pháp luật; vì sau khi tổng kết nợ ngày 21/12/2018 chị D trả được một phần, sau đó không trả nữa nên chị D phải có nghĩa vụ trả lãi theo Điều 357 Bộ luật Dân sự từ ngày 21/12/2018. Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 0,75%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 21.702.721 đồng là có lợi cho chị D.

[4.2] Đối với kháng cáo của chị D về nghĩa vụ trả nợ: Chị D cho rằng chị và anh C mâu thuẫn nhau trong quá trình chung sống, đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên việc chăn nuôi chỉ mình chị D thực hiện, anh C không biết, chị D yêu cầu không buộc anh C liên đới trả nợ. Xét thấy, yêu cầu này của chị D là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ việc mua bán thức ăn phát sinh từ năm 2012 và việc chăn nuôi là để phục vụ sinh hoạt chung của gia đình, anh C và chị D vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc anh C và chị D liên đới trả nợ cho ông A là phù hợp Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị D.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị D, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4.3] Án phí: Do kháng cáo của chị D không được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền tạm

ứng án phí phúc thẩm anh C đã nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn C.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 430, 433, 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn A.

Buộc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E) phải trả cho ông Võ Văn A số tiền 159.497.721 (Một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi một) đồng (Tiền vốn 137.795.000 đồng, tiền lãi 21.702.721 đồng)

Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C, chị D chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E) phải chịu 7.974.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Võ Văn A 4.562.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0017956 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn C đã nộp theo biên lai thu số 0018124 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA.

Chị Nguyễn Thị Tuyết D (Nguyễn Thị Ngọc E) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018123 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện AA;
 - CC THADS huyện AA;
 - Các đương sự;
 - Đăng Cổng thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung